

## BÁO CÁO

### Công tác cải cách hành chính tỉnh Thái Nguyên quý III năm 2025

Kính gửi: Bộ Nội vụ

Thực hiện Công văn số 4625/BNV-CCHC ngày 02/7/2025 của Bộ Nội vụ về việc xây dựng kế hoạch cải cách hành chính và thực hiện chế độ báo cáo định kỳ; trên cơ sở tổng hợp, tham mưu của Sở Nội vụ, UBND tỉnh Thái Nguyên báo cáo Bộ Nội vụ kết quả công tác cải cách hành chính quý III năm 2025 như sau:

#### I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

##### 1. Các hoạt động chỉ đạo, điều hành, triển khai thực hiện

- Công tác cải cách hành chính (CCHC) tỉnh Thái Nguyên năm 2025 tiếp tục được các cấp, các ngành, địa phương quan tâm, triển khai đồng bộ theo nội dung Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 của Chính phủ. Thực hiện Nghị quyết số 202/2025/NQ-QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh và Nghị quyết số 1683/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Thái Nguyên năm 2025, kể từ ngày 01/7/2025 tỉnh Thái Nguyên mới được thành lập và đi vào hoạt động trên cơ sở hợp nhất 02 tỉnh Bắc Kạn và Thái Nguyên. Ngày 14/7/2025, Chủ tịch UBND ban hành Kế hoạch số 06/KH-UBND về cải cách hành chính tỉnh Thái Nguyên năm 2025, trong đó giao nhiệm vụ cụ thể (25 nhiệm vụ trọng tâm) và chỉ đạo các sở, ngành, UBND các xã, phường xây dựng kế hoạch CCHC, tổ chức triển khai thực hiện bám sát các nội dung yêu cầu, đảm bảo tiến độ thời gian quy định.

- Đến nay tỉnh Thái Nguyên đã thực hiện 10/25 nhiệm vụ cụ thể giao tại Kế hoạch năm 2025 như: Xây dựng và triển khai Kế hoạch đánh giá, xác định chỉ số CCHC; đo lường mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ hành chính năm 2025 của các sở, ban, ngành, UBND cấp xã và tổ chức thực hiện; thành lập Đoàn kiểm tra cải cách hành chính, kiểm tra công vụ trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; xây dựng quy định đánh giá, xác định chỉ số CCHC đối với các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường; xây dựng quy chế và tổ chức đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ năm 2025 đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương...

## **2. Công tác tuyên truyền cải cách hành chính**

- Ngày 06/3/2025, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 52/KH-UBND về tuyên truyền CCHC, nâng cao hiệu quả quản trị và hành chính công tỉnh Thái Nguyên năm 2025 nhằm tuyên truyền đầy đủ các nội dung, lựa chọn hình thức tuyên truyền phù hợp, đảm bảo hiệu quả, đáp ứng kịp thời, đầy đủ yêu cầu nắm bắt, tìm hiểu thông tin về CCHC, nâng cao hiệu quả quản trị và hành chính công, đồng thời, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành, phát huy vai trò, trách nhiệm người đứng đầu và đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan hành chính nhà nước các cấp trong thực hiện CCHC, nâng cao hiệu quả quản trị và hành chính công.

- Các cơ quan thông tin và truyền thông của tỉnh đã chủ động xây dựng, thực hiện kế hoạch tuyên truyền về CCHC với các tin, bài, phóng sự, chuyên mục, chuyên đề phát trên sóng truyền hình, sóng phát thanh và trang thông tin điện tử về CCHC, cụ thể: Báo và Phát thanh - Truyền hình Thái Nguyên đã thực hiện các chuyên mục, chuyên đề thực hiện 67 tin, bài, phần ảnh, phóng sự liên quan đến công tác CCHC; Trung tâm Thông tin tỉnh đã đăng tải lên Cổng thông tin điện tử của tỉnh 321 tin, bài viết, video clip, đối thoại trực tuyến; dẫn nguồn tin tức, sự kiện và các văn bản của tỉnh, của các bộ, ngành Trung ương; Trang thông tin điện tử CCHC tỉnh Thái Nguyên đăng tải 32 tin, bài, văn bản chỉ đạo, điều hành, các hoạt động về CCHC của các đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh. Các thông tin, tuyên truyền tập trung vào nội dung chính sách pháp luật, sắp xếp bộ máy chính quyền các cấp, duy trì và cải thiện, nâng cao Chỉ số CCHC và Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính, Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công, Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh.

## **3. Kiểm tra công tác CCHC**

- Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành kế hoạch kiểm tra và thành lập đoàn kiểm tra công vụ; kiểm tra công tác cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả quản trị và hành chính công tỉnh Thái Nguyên năm 2025 nhằm chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính; tăng cường trách nhiệm người đứng đầu và từng cán bộ, công chức, viên chức các cấp trên địa bàn tỉnh trong xử lý công việc phục vụ người dân, doanh nghiệp;

- Trong quý III năm 2025, Đoàn kiểm tra của tỉnh đã tổ chức kiểm tra cải cách hành chính, công vụ tại 23 đơn vị, địa phương (03 sở, ngành; 02 đơn vị sự nghiệp công lập, 18 đơn vị cấp xã); tập trung kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ của cán bộ, công chức sau khi đi vào vận hành mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp. Qua công tác kiểm tra, các đơn vị được kiểm tra đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo công tác CCHC, việc thi hành công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đảm bảo quy định; đội ngũ cán bộ, công chức chấp hành tốt kỷ luật,

kỷ cương hành chính, nội quy, quy chế, sử dụng hiệu quả giờ làm việc theo quy định để kịp thời giải quyết các TTHC cho người dân; không bị ảnh hưởng tận tâm, tận tụy, công việc không bị gián đoạn, chậm trễ. Các cơ quan, đơn vị, địa phương đã chủ động xây dựng kế hoạch tự kiểm tra, tổ chức hội nghị quán triệt, triển khai nhiệm vụ theo kế hoạch đề ra.

**4. Tiến độ, kết quả thực hiện các nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao:** Kết quả thống kê trên Hệ thống cơ sở dữ liệu theo dõi của Văn phòng Chính phủ, trong quý III năm 2025, UBND tỉnh Thái Nguyên được giao 54 nhiệm vụ, đến nay, đã thực hiện hoàn thành 53 nhiệm vụ đúng thời gian quy định, đang triển khai thực hiện 01 nhiệm vụ (trong hạn), không có nhiệm vụ quá hạn.

## II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

### 1. Cải cách thể chế

#### 1.1. Công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (QPPL)

- Công tác xây dựng, ban hành văn bản QPPL của tỉnh được thực hiện nghiêm túc, chất lượng, đảm bảo kịp thời, tuân thủ đúng trình tự, thủ tục xây dựng, 100% văn bản QPPL của tỉnh được thẩm định nhằm bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất và khả thi của văn bản khi được ban hành. Công tác phối hợp, nhất là giữa cơ quan được giao chủ trì xây dựng và cơ quan thẩm định ngày càng chặt chẽ và hiệu quả. Các thủ tục như đánh giá tác động của chính sách, đánh giá tác động của thủ tục hành chính, phương pháp, thời gian lấy ý kiến của đối tượng chịu sự tác động của văn bản, hoạt động phản biện xã hội trong xây dựng văn bản QPPL ngày càng được quan tâm đổi mới, đảm bảo chất lượng và hiệu quả. Trong quý III năm 2025, đã ban hành 28 văn bản QPPL (trong đó bao gồm 20 Nghị quyết, 08 Quyết định).

- Ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên<sup>1</sup>; Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 244/QĐ-TTg ngày 05/02/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án Ứng dụng công nghệ số trong việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về văn bản quy phạm pháp luật; Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 140/NQ-CP ngày 17/5/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; Kế hoạch công tác kiểm tra, rà soát văn bản QPPL và thực hiện công tác pháp chế, hỗ trợ

<sup>1</sup>Kế hoạch số 28/KH-UBND ngày 14/8/2025 của UBND tỉnh Thái Nguyên.

pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa 05 tháng cuối năm 2025 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên<sup>2</sup>. Triển khai, thực hiện Công điện số 89/CD-TTg ngày 16/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ về triển khai Hệ thống thông tin tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về văn bản QPPL; ban hành văn bản đề nghị hướng dẫn những vướng mắc trong quá trình áp dụng các Nghị định của Chính phủ về phân quyền, phân cấp; phân định thẩm quyền giữa Chính phủ và chính quyền địa phương 02 cấp.

### *1.2. Kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa văn bản QPPL*

- Đã ban hành báo cáo kết quả rà soát, đề xuất giải pháp hoàn thiện pháp luật để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc do quy định pháp luật; Báo cáo rà soát, lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên, thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Chỉ đạo Sở Tư pháp triển khai thực hiện khảo sát phục vụ xây dựng Đề án cơ sở dữ liệu lớn về pháp luật và Đề án ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong công tác xây dựng, kiểm tra và rà soát văn bản QPPL theo Nghị quyết số 66-NQ/TW; Rà soát, đề xuất ban hành văn bản điều chỉnh các quy định, quy chế và một số văn bản sau khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; Rà soát tình hình triển khai thực hiện phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; Tiếp tục cập nhật văn bản QPPL do HĐND, UBND tỉnh ban hành vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật; Rà soát văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực khoáng sản, đất đai; cập nhật văn bản QPPL do HĐND, UBND tỉnh ban hành vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật.

### *1.3. Công tác theo dõi thi hành pháp luật*

- Ban hành Kế hoạch công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật và thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên 05 tháng cuối năm 2025; Kế hoạch tuyên truyền Nghị quyết số 203/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 2013 trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch triển khai thi hành Luật Tư pháp người chưa thành niên trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Ban hành quy trình xây dựng văn bản QPPL của UBND, Chủ tịch UBND tỉnh: Quyết định quy định thẩm quyền và cách thức xác định hồ sơ xử lý vi phạm hành chính có nội dung phức tạp; quyết định ban hành quy chế quản lý, cập nhật, khai thác và sử dụng Cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

- Chỉ đạo Sở Tư pháp báo cáo tổng hợp một số khó khăn, vướng mắc trong triển khai thực hiện các văn bản về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp; báo cáo tình hình xử lý vi phạm hành chính

<sup>2</sup>Kế hoạch số 45/KH-UBND ngày 30/8/2025 của UBND tỉnh Thái Nguyên.

trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Ban hành Kế hoạch khảo sát tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực xử lý vi phạm hành chính năm 2025. Tổ chức hội nghị tập huấn chuyên sâu về nghiệp vụ xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật năm 2025 cho hơn 600 cán bộ, công chức, viên chức, người có thẩm quyền xử phạt, tham mưu, thực hiện công tác xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh.

#### *1.4. Thực hiện tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật*

- Ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện các Đề án về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; Kế hoạch công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; hoà giải ở cơ sở và chuẩn tiếp cận pháp luật trên địa bàn tỉnh 6 tháng cuối năm 2025; hướng dẫn triển khai một số nhiệm vụ công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và hòa giải ở cơ sở; định hướng nội dung phổ biến, giáo dục pháp luật, quán triệt, thông tin, truyền thông về Nghị quyết số 206/2025/QH15 của Quốc hội về cơ chế đặc biệt xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật. Tổng kết việc thi hành Luật Tiếp cận thông tin năm 2016, tổng kết 10 năm thi hành Luật Hôn nhân và gia đình trên địa bàn tỉnh;

- Chỉ đạo Sở Tư pháp phối hợp chặt chẽ với Bộ Tư pháp tổ chức hội nghị tập huấn nâng cao kiến thức pháp luật cho đội ngũ hòa giải viên ở cơ sở tại xã Cẩm Giàng và Tân Kỳ; tổ chức Tọa đàm “Hoàn thiện thể chế về đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật và đề xuất tiêu chí tiếp cận pháp luật trong Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030” và trao đổi, thảo luận về khó khăn, vướng mắc khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

## **2. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)**

### *2.1. Kết quả kiểm soát TTHC; rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC*

- Chỉ đạo quyết liệt các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC năm 2025 và triển khai thực hiện Kế hoạch số 94/KH-UBND ngày 11/4/2025 về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026, đồng thời rà soát TTHC thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính và tổ chức triển khai thực hiện. Trong quý III, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành 113 Quyết định công bố TTHC/danh mục TTHC với 2.743 TTHC (công bố mới: 1.587 TTHC; bãi bỏ: 1.156 TTHC) thuộc phạm vi chức năng quản lý của các sở, ngành thuộc tỉnh; kịp thời cập nhật, tích hợp, công khai trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia và công khai đầy đủ tại Trung tâm phục vụ hành chính công các cấp, trên Cổng thông tin

điện tử tỉnh, trang thông tin điện tử của đơn vị, địa phương; Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC làm cơ sở để xây dựng quy trình điện tử trong giải quyết TTHC trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh;

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương đã thực hiện nghiêm túc, đúng quy định việc niêm yết, công khai nội dung hướng dẫn thực hiện phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính; thực hiện quản lý, vận hành, duy trì kết nối, đảm bảo thông suốt, liên tục Hệ thống tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của Cổng Dịch vụ công Quốc gia với Cổng thông tin điện tử và Cổng Dịch vụ công của tỉnh. Trong quý III năm 2025, UBND tỉnh đã tổ chức tiếp nhận và trả lời phản ánh, kiến nghị thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh trên Hệ thống thông tin tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức 81 phản ánh, kiến nghị (64 phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính; 17 phản ánh, kiến nghị về hành vi hành chính) thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh trên Hệ thống thông tin tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức (Trong đó, trả lời và đăng tải công khai trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia theo đúng quy định: 72 phản ánh, kiến nghị. 09 phản ánh, kiến nghị đang trong thời hạn giải quyết).

## *2.2. Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC*

- Các cơ quan, địa phương thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông, đẩy mạnh việc giải quyết TTHC trên môi trường điện tử, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh được kết nối với Cổng dịch vụ công Quốc gia và các phần mềm chuyên ngành. Sau gần 03 tháng vận hành, mô hình chính quyền địa phương 02 cấp cơ bản đã đi vào ổn định, việc vận hành tổ chức thực hiện giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp thông suốt, không gián đoạn. Đội ngũ cán bộ, công chức các xã, phường trên địa bàn tỉnh đã nhanh chóng thích ứng và phát huy tinh thần trách nhiệm, chủ động sắp xếp công việc để phục vụ người dân, giải quyết thủ tục hành chính nhanh gọn và hiệu quả hơn. 100% Trung tâm Phục vụ hành chính công các xã, phường bố trí đầy đủ các phân khu chức năng, bảo đảm tiếp nhận và giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền, bố trí cán bộ, công chức chuyên môn tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC. Trong quý III năm 2025, đã tiếp nhận 180.079 hồ sơ, tỷ lệ giải quyết đúng hạn đạt trên 99,9%;

- Kết quả triển khai Bộ chỉ số chỉ đạo điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia của tỉnh Thái Nguyên đến ngày 15/9/2025, điểm tổng hợp đạt 88,39/100 điểm; xếp thứ 01/34 tỉnh, thành phố trên bảng xếp hạng, trong đó: Điểm số trực nội dung Công khai minh bạch đạt

15,77/18 điểm; điểm số trực nội dung Tiến độ giải quyết đạt 19,18/20 điểm; điểm số trực nội dung Dịch vụ công trực tuyến đạt 18,3/22 điểm; điểm số trực nội dung Mức độ hài lòng 17,86/18 điểm; điểm số trực nội dung Số hóa hồ sơ, kết quả TTHC đạt 17,28/22 điểm. UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo các sở, ngành tập trung rà soát, làm sạch toàn bộ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết đã được công bố, công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC, bảo đảm chính xác, đầy đủ, kịp thời, đúng quy định; thường xuyên rà soát đề kiến nghị với các bộ, ngành Trung ương sửa đổi, tái cấu trúc quy trình TTHC để thực hiện Dịch vụ công trực tuyến.

### **3. Cải cách tổ chức bộ máy nhà nước**

*3.1. Về hoàn thiện, ban hành các quy định về chức năng, nhiệm vụ, quy chế làm việc của các cơ quan, đơn vị*

Ngay từ khi vận hành chính quyền địa phương 02 cấp, UBND tỉnh ban hành 14 quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính thuộc UBND tỉnh. Căn cứ Thông tư hướng dẫn của Bộ trưởng các Bộ chuyên ngành hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn về các lĩnh vực thuộc các phòng chuyên môn cấp xã và nghị quyết thành lập phòng chuyên môn của Hội đồng nhân dân (HĐND) các xã, phường; UBND cùng cấp đã ban hành quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các phòng chuyên môn theo quy định, đảm bảo đi vào hoạt động ngay sau khi thành lập. Đến nay, các cơ chuyên môn thuộc UBND tỉnh, các phòng chuyên môn thuộc UBND cấp xã cơ bản đi vào hoạt động ổn định, thông suốt, không gián đoạn, kịp thời triển khai thực hiện các nhiệm vụ, bảo đảm không bỏ sót nhiệm vụ.

*3.2. Về kết quả sắp xếp tổ chức bộ máy*

- Thực hiện chủ trương đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, tỉnh Thái Nguyên đã triển khai thực hiện đảm bảo theo đúng hướng dẫn, văn bản chỉ đạo của Trung ương. Sau sắp xếp tổ chức bộ máy, từ ngày 01/7/2025, tỉnh Thái Nguyên có 14 sở, ban, ngành<sup>3</sup> với 239 đầu mối thuộc sở, ngành (gồm 89 phòng chuyên môn, nghiệp vụ, 11 chi cục, 139 đơn vị sự nghiệp công lập), giảm 14/28 sở, ngành tương ứng giảm 50%, giảm 156/398 đầu mối, tương ứng giảm 39,01%; giảm 05/12 đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh, tương ứng giảm 41,67%. Hiện nay, tổng số đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh là 1.075 đơn vị (bao gồm: 07 đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh; 139 đơn vị sự nghiệp thuộc Sở, ngành và 929 đơn vị sự nghiệp thuộc UBND cấp xã;

---

<sup>3</sup>Các sở, ban, ngành: Nội vụ; Tài chính; Khoa học và Công nghệ; Tư pháp; Giáo dục và Đào tạo; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Nông nghiệp và Môi trường; Xây dựng; Y tế; Dân tộc và Tôn giáo; Văn phòng UBND tỉnh; Ban Quản lý các Khu Công nghiệp; Công Thương; Thanh tra tỉnh.

- Toàn tỉnh có 92 đơn vị hành chính cấp xã, giảm 208 đơn vị tương ứng giảm 69,33%. Ngay sau khi vận hành chính quyền địa phương 02 cấp, 100% đơn vị hành chính cấp xã đã thành lập Trung tâm Phục vụ hành chính công, trong đó có 09 xã, phường bố trí từ 02 địa điểm trở lên (trụ sở chính và điểm tiếp nhận) bảo đảm theo quy định tại Nghị định số 118/2025/NĐ-CP về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Công Dịch vụ công quốc gia. Căn cứ điều kiện thực tế tại địa phương, các xã, phường thành lập Trung tâm Dịch vụ tổng hợp bảo đảm theo quy định, đến nay, có 64/92 xã, phường đã thành lập Trung tâm Dịch vụ tổng hợp theo định hướng của Ban Chỉ đạo sắp xếp đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp để cung ứng các dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu trên địa bàn.

### 3.3. Quản lý, sử dụng biên chế công chức, viên chức

Trên cơ sở số biên chế của tỉnh Bắc Kạn và tỉnh Thái Nguyên (trước sắp xếp), Ban Thường vụ Tỉnh ủy Thái Nguyên ban hành Quyết định số 31-QĐ/TU ngày 01/7/2025 về việc tạm giao tổng biên chế khối chính quyền địa phương, theo đó HĐND tỉnh Thái Nguyên ban hành Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 01/7/2025 về tạm giao biên chế cán bộ, công chức trong cơ quan của chính quyền địa phương cấp tỉnh và tổng số biên chế cán bộ, công chức cấp xã, số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh Thái Nguyên năm 2025, tổng giao: 41.180 biên chế cán bộ, công chức, viên chức<sup>4</sup>, trong đó: 7.010 biên chế cán bộ, công chức cấp tỉnh, cấp xã; 34.005 biên chế viên chức cấp tỉnh, cấp xã; 74 biên chế viên chức dự phòng; 91 biên chế hội<sup>5</sup>.

Về số biên chế chưa có mặt nêu trên, do thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy nên tỉnh tạm dừng việc tuyển dụng để rà soát, sắp xếp nhân sự bảo đảm phù hợp. Hiện nay, các cơ quan, đơn vị, địa phương đang rà soát, báo cáo cơ quan có thẩm quyền theo phân cấp thực hiện tuyển dụng, tiếp nhận vào các vị trí chuyên môn, nghiệp vụ còn thiếu để bảo đảm số lượng người làm việc đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao trong giai đoạn mới để cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức của tỉnh theo quy định.

<sup>4</sup>Giao theo số lượng của Trung ương: 41.089 (có 74 biên chế dự phòng); tỉnh tạm giao 91 người làm việc trong các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ.

<sup>5</sup> - Cấp tỉnh: Giao 11.645 biên chế (gồm 2.080 biên chế cán bộ, công chức và 9.565 biên chế viên chức); số biên chế có mặt là 10.368 biên chế (gồm 1.602 cán bộ, công chức và 8.766 viên chức);

- Cấp xã: Giao 29.370 biên chế (gồm 4.930 biên chế cán bộ, công chức và 24.440 biên chế viên chức); số biên chế có mặt là 27.487 biên chế (gồm 3.665 cán bộ, công chức và 23.822 viên chức);

- Các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ: Giao 91 người làm việc, có mặt 64 người, số chưa có mặt là 27 người;  
- Biên chế viên chức dự phòng là 74 biên chế.

### *3.4. Thực hiện các quy định về phân cấp quản lý nhà nước giữa các cấp chính quyền ở địa phương*

- Ngay sau khi chính quyền địa phương 02 cấp đi vào hoạt động, UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ban, ngành, địa phương tổ chức triển khai, phổ biến, quán triệt nội dung 28 Nghị định của Chính phủ về phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền, đồng thời chỉ đạo các cơ quan thường xuyên, chủ động rà soát tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, kịp thời báo cáo đề nghị điều chỉnh, cập nhật các văn bản bảo đảm phù hợp với các quy định mới và thực tiễn tại địa phương khi tổ chức thực hiện nhiệm vụ được phân cấp, phân quyền;

- Đến nay, các nhiệm vụ quản lý nhà nước trên các lĩnh vực đã được UBND tỉnh chỉ đạo triển khai đầy đủ, toàn diện, kịp thời theo đúng quy định; việc phân định thẩm quyền các lĩnh vực quản lý nhà nước khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp được chuyển về cấp tỉnh hoặc phân cấp về cấp xã theo đúng quy định. Các sở, ban, ngành đã chủ động rà soát, đánh giá năng lực, khả năng thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn ở các lĩnh vực, trên cơ sở đó đã trình UBND tỉnh, Chủ tịch UBND ban hành 21 quyết định ủy quyền thực hiện một số nhiệm vụ, thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh cho Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND cấp xã.

## **4. Cải cách chế độ công vụ**

### *4.1. Thực hiện quản lý, sử dụng công chức, viên chức*

Sau khi chính quyền địa phương 02 cấp đi vào hoạt động, để bảo đảm các xã, phường đi vào hoạt động thông suốt, không gián đoạn, ngày 04/8/2025, UBND tỉnh đã ban hành Công văn số 1335/UBND-NC về việc tăng cường nguồn nhân lực cho các xã, phường. Trong đó đã chỉ đạo các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh thực hiện rà soát, lập danh sách cử công chức, viên chức tăng cường đi công tác tại cơ sở với số lượng khoảng 5%, trong đó có ít nhất 01 công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý là lãnh đạo cấp phó trưởng phòng và tương đương; thực hiện điều động chéo công chức giữa các xã, phường nhằm bảo đảm cân đối, hài hòa về số lượng, chất lượng, cơ cấu chuyên môn, nghiệp vụ và cân đối giữa các địa phương, đến thời điểm hiện tại, kết quả như sau:

- Trước thời điểm 01/7/2025: Thực hiện bố trí, sắp xếp cán bộ, công chức, viên chức từ sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh về công tác tại đơn vị cấp xã mới là 191 người, trong đó: Tỉnh Bắc Kạn (cũ): 182 người, tỉnh Thái Nguyên (cũ): 09 người.

- Sau thời điểm 01/7/2025 đến nay: Việc tiếp nhận, điều động, biệt phái tăng cường nguồn lực cho cấp xã là 198 người, trong đó: Điều động, tiếp nhận từ tỉnh về xã: 60 người; điều động giữa các xã, phường (từ nơi thừa sang nơi thiếu): 106 người; biệt phái viên chức làm việc ở vị trí việc làm công chức: 32 người.

#### *4.2. Thực hiện đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức*

- Sau khi mô hình chính quyền địa phương 02 cấp đi vào hoạt động, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Nội vụ đã bám sát các văn bản định hướng, chỉ đạo của cấp có thẩm quyền để triển khai công tác đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Với mục tiêu tập trung thực hiện tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo lĩnh vực, ngành cho cán bộ, công chức cấp xã để bảo đảm vận hành chính quyền địa phương 02 cấp, đáp ứng nhu cầu giải quyết TTHC của người dân, doanh nghiệp và nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, công chức, viên chức cấp xã. Theo đó, 100% sở, ngành đã xây dựng kế hoạch tổ chức tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, công chức, viên chức cấp xã theo ngành, lĩnh vực. Đến thời điểm báo cáo (ngày 15/9/2025) đã tổ chức được 52 lớp bồi dưỡng với hình thức trực tiếp và trực tuyến cho 9.787 lượt cán bộ, công chức, viên chức tham gia bồi dưỡng. Ngoài ra, các cơ quan, đơn vị đã cử cán bộ, công chức, viên chức tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn do các Bộ, ngành tổ chức theo các Quyết định, Kế hoạch của đơn vị chủ trì.

- Nhằm thực hiện công tác bồi dưỡng, tập huấn cho đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã sát thực tiễn, đã báo cáo Thường trực Tỉnh ủy nội dung đề nghị phối hợp với Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh trong công tác bồi dưỡng, tập huấn cho đội ngũ cán bộ, công chức xã nhất là đội ngũ lãnh đạo, quản lý, góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ xã chuyên nghiệp, có đủ phẩm chất, trình độ, năng lực đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới.

#### *4.3. Thực hiện chế độ chính sách*

- Thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức theo Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh quy định chế độ, chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động do thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh Thái Nguyên đã tinh giản được 07 trường hợp.

- Thực hiện Nghị định số 178/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ về chính sách, chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng

vũ trang trong thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị (Nghị định số 178/2024/NĐ-CP), được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 67/2025/NĐ-CP ngày 15/3/2025, việc giải quyết chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động nghỉ hưu trước tuổi, thôi công tác do sắp xếp được giải quyết đúng quy định, bảo đảm quyền lợi và tạo sự đồng thuận trong quá trình sắp xếp tổ chức bộ máy. Tính đến ngày 03/9/2025, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định giải quyết chế độ, chính sách theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 67/2025/NĐ-CP đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động là: 3.005 người (bao gồm cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc khối Đảng, đoàn thể và khối chính quyền trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên mới). Thực hiện thẩm định hồ sơ của 1.571 người hoạt động không chuyên trách có nguyện vọng nghỉ tinh giản theo Nghị định số 154/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025 của Chính phủ về tinh giản biên chế và quyết định giải quyết chế độ cho 09 người.

## **5. Cải cách tài chính công**

### *5.1. Tổ chức triển khai thực hiện*

- UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài chính hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2025, đảm bảo theo Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn của Bộ, ngành chủ quản; thực hiện sắp xếp, bố trí, xử lý tài sản công khi thực hiện sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính; rà soát công trình, nhà, đất là tài sản công khi sắp xếp, tinh gọn bộ máy, đơn vị hành chính đảm bảo sử dụng, khai thác có hiệu quả, tránh lãng phí; hướng dẫn nguyên tắc xử lý tài sản, tài chính, ngân sách nhà nước trong quá trình sắp xếp tổ chức, bộ máy; hướng dẫn các đơn vị xây dựng kế hoạch di chuyển trụ sở, cơ sở vật chất và đảm bảo các điều kiện phục vụ công tác của các cơ quan, đơn vị khi thực hiện sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính.

- Thực hiện sáp nhập tỉnh và triển khai mô hình chính quyền hai cấp, tỉnh Thái Nguyên đã kịp thời thực hiện chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động bị ảnh hưởng, đảm bảo tiến độ sắp xếp đơn vị hành chính các cấp cho gần 3.000 người, hỗ trợ công chức công tác xa nhà với mức 04 triệu đồng/tháng.

### *5.2. Kết quả thực hiện các quy định về quản lý tài chính - ngân sách*

Công tác quản lý tài chính - ngân sách được thực hiện đảm bảo theo Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015 và các văn bản hướng dẫn của Bộ, ngành chủ quản: Thu ngân sách tỉnh Thái Nguyên 8 tháng đầu năm 2025 đạt 16.324 tỷ đồng, bằng 70,4% dự toán Trung ương giao và đạt 66% dự toán HĐND tỉnh giao, tăng 40% so

với cùng kỳ năm 2024. Thực hiện chi ngân sách địa phương 8 tháng năm 2025 ước đạt 19.629 tỷ đồng, bằng 75,8% dự toán TTCP giao và bằng 67% dự toán HĐND tỉnh giao; chi ngân sách đáp ứng kịp thời kinh phí thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh - quốc phòng, đảm bảo theo dự toán được giao và tiến độ thực hiện nhiệm vụ của các cấp, các ngành, các đơn vị.

### *5.3. Tình hình thực hiện và thanh toán vốn đầu tư công*

Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã giao Sở Tài chính phối hợp với Kho bạc Nhà nước Thái Nguyên chủ động hướng dẫn, đôn đốc các chủ đầu tư, Ban quản lý dự án, các địa phương đẩy nhanh tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công nhằm tháo gỡ khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn. Kết quả cho thấy, Thái Nguyên là một trong các tỉnh có số giải ngân đạt trên bình quân chung cả nước (tỷ lệ giải ngân cả nước 8 tháng đạt 46,3% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao). Tổng số kế hoạch vốn do Thủ tướng Chính phủ giao: 8.997.006 triệu đồng; số vốn kế hoạch do địa phương giao trên địa bàn toàn tỉnh: 8.997.006 triệu đồng. Thanh toán vốn kế hoạch năm 2025 là: 6.228.248 triệu đồng, đạt 69% so với kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao, đạt 55% so với kế hoạch vốn địa phương triển khai.

### *5.4. Về kết quả thực hiện giao quyền tự chủ tài chính cho đơn vị SNCL*

- Thực hiện Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, UBND tỉnh giao Sở Tài chính thực hiện công tác xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập theo đúng quy định. Đồng thời, tiếp tục cho ý kiến đối với 100% các văn bản xin ý kiến về phương án tự chủ tài chính của các cơ quan. Hiện nay, tổng số đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn toàn tỉnh thực hiện cơ chế tự chủ tài chính là 1.102 đơn vị<sup>6</sup>.

### *5.5. Thực hiện quy định về quản lý, sử dụng tài sản công*

- Thực hiện chỉ đạo của Bộ Chính trị về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả và thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã, nhập tỉnh Bắc Kạn và tỉnh Thái Nguyên, đã tiếp tục triển khai thực hiện đúng quy định đối với công tác quản lý tài sản công.

---

<sup>6</sup> (Số đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư: 01 đơn vị; số đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên: 55 đơn vị; số đơn vị tự đảm bảo một phần chi thường xuyên: 116 đơn vị; số đơn vị nhà nước đảm bảo toàn bộ chi thường xuyên: 930 đơn vị).

Về sắp xếp lại, xử lý tài sản công và xử lý các cơ sở nhà đất không sử dụng hoặc sử dụng kém hiệu quả hoặc không đúng mục đích theo quy định, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 103/KH-UBND ngày 23/4/2025 về việc rà soát, lập phương án xử lý và tổ chức xử lý trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp không sử dụng, sử dụng kém hiệu quả, sử dụng không đúng mục đích của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Thái Nguyên. UBND tỉnh giao Sở Tài chính tham mưu rà soát công trình, nhà, đất là tài sản công khi sắp xếp, tinh gọn bộ máy, đơn vị hành chính đảm bảo sử dụng, khai thác có hiệu quả, tránh lãng phí<sup>7</sup>.

- Hiện nay, các cơ quan, đơn vị địa phương đang tiếp tục rà soát, hoàn thiện hồ sơ và báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý tài sản theo quy định đối với việc xử lý trụ sở dôi dư. Sở Tài chính đang khẩn trương rà soát hồ sơ, tài liệu và nội dung đề nghị xử lý tài sản của các cơ quan, đơn vị, địa phương để có cơ sở báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định xử lý tài sản theo quy định, bao gồm việc xử lý tài sản công dôi dư sau sắp xếp chính quyền địa phương 02 cấp và các cơ sở nhà đất không sử dụng hoặc sử dụng kém hiệu quả hoặc không đúng mục đích.

## **6. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số**

*6.1. Về công tác triển khai xây dựng, phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số ở địa phương*

Đã ban hành Kế hoạch số 155/KH-UBND ngày 23/6/2025 về thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Kế hoạch hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, đồng thời tiếp tục chỉ đạo các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện các nhiệm vụ về xây dựng, phát triển hạ tầng kỹ thuật, phát triển dữ liệu, phát triển ứng dụng, cung cấp dịch vụ công trực tuyến... phục vụ người dân, doanh nghiệp.

*6.2. Kết quả xây dựng, phát triển hạ tầng, dữ liệu xây dựng chính quyền số*

- Mạng truyền số liệu chuyên dùng tạo hạ tầng kết nối an toàn, ổn định cho các cơ quan Đảng, Nhà nước, kết nối thông suốt đến 100% đơn vị hành chính và các sở, ngành, xã, phường trên địa bàn tỉnh; phục vụ an toàn, kịp thời các phiên họp trực tuyến, góp phần nâng cao hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo, là nền tảng quan trọng để xây dựng hạ tầng Chính phủ số, tạo sự kết nối và đồng bộ dữ liệu giữa các cấp, các ngành.

<sup>7</sup> Tổng số cơ sở nhà, đất cần sắp xếp là 3.051 cơ sở; thực hiện xử lý lũy kế đến thời điểm báo cáo là 2.821/3051 cơ sở.

- Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu tỉnh (LGSP) tiếp tục được phát triển và khai thác hiệu quả để phục vụ nhu cầu ngày càng cao của việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước. Tổng số giao dịch thực hiện thông qua LGSP lũy kế đến nay đạt trên 6,3 triệu giao dịch.

### 6.3. Các ứng dụng trong nội bộ cơ quan nhà nước

- Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành tỉnh Thái Nguyên được tổ chức lại theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, hoạt động ổn định và đáp ứng yêu cầu xử lý công việc, xử lý văn bản điện tử phục vụ công tác lãnh đạo, điều hành của tỉnh (hiện tại đã cấp 18.019 tài khoản cho cán bộ, công chức, viên chức tại 148 cơ quan nhà nước ở cả 2 cấp tỉnh, xã). Từ 01/7/2025 đến nay, 100% văn bản gửi/nhận đều bản điện tử, hệ thống đã có trên 750 nghìn lượt gửi, nhận văn bản (tổng số văn bản đến là 657.703 văn bản; tổng số văn bản đi là 99.652 văn bản).

- Chứng thư chữ ký số chuyên dùng Chính phủ: Đến nay, toàn tỉnh hiện có 33.036 chứng thư số hoạt động, trong đó 3.556 chứng thư số tổ chức, 29.480<sup>8</sup> chứng thư số cá nhân.

### 6.4. Kết quả triển khai Đề án 06 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

- Chủ tịch UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ngành, địa phương thực hiện tích hợp, kết nối và chia sẻ dữ liệu dân cư giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với Cổng Dịch vụ công quốc gia, hệ thống thông tin giải quyết TTHC các cấp phục vụ xác thực, chia sẻ thông tin công dân khi thực hiện TTHC theo nguyên tắc không yêu cầu khai báo lại các thông tin đã có trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; triển khai cung cấp các dịch vụ công thiết yếu bảo đảm thực hiện chuẩn hóa, tái cấu trúc quy trình, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC sử dụng xác thực, chia sẻ dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

- Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh đã được kết nối, chia sẻ dữ liệu với hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, tích hợp giải pháp kết nối xác thực thông qua nền tảng định danh điện tử VNeID tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp khi thực hiện giải quyết TTHC. Thực hiện tích hợp 53 dịch vụ công thiết yếu (25 dịch vụ công theo Đề án 06 và 28 dịch vụ công theo Quyết định số 422/QĐ-TTg ngày 04/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ) trên Cổng dịch vụ công quốc gia, kết nối liên thông đến Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Thái Nguyên, kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để chia sẻ, khai thác dữ liệu, phục vụ công tác giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công của tỉnh.

<sup>8</sup>Số liệu trên hệ thống cổng dịch vụ công của Ban Cơ yếu Chính phủ ngày 07/9/2025.

Đến nay, tỉnh Thái Nguyên đã hoàn thành tích hợp giải pháp xác thực qua tài khoản VNeID trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Thái Nguyên; 100% người dân, doanh nghiệp đã được cấp định danh và xác thực điện tử đều có thể đăng nhập, sử dụng dịch vụ công trực tuyến thông suốt, hợp nhất trên tất cả các hệ thống thông tin của tỉnh. Về cấp đổi Thẻ đảng viên trên nền tảng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư tại địa bàn tỉnh, đến hết ngày 30/8/2025, đã có 130.572/138.836 đảng viên được thu nhận thông tin đổi Thẻ đảng viên, đạt tỷ lệ 94,05%; Cấp định danh điện tử mức độ 2 cho công dân trên 14 tuổi, đã thu nhận, kích hoạt tổng số 1.109.526/1.367.555 trường hợp đạt tỷ lệ 81,1%; về cấp định danh tổ chức, tổng số doanh nghiệp, Hợp tác xã trên địa bàn là 8.205 đơn vị (đến ngày 10/9/2025 đã đăng ký được 6.933/8.205 tổ chức, đạt tỉ lệ 84%).

#### *6.5. Tình hình, kết quả triển khai dịch vụ công trực tuyến*

- Tính đến ngày 15/9/2025, tỉnh Thái Nguyên cung cấp 2.139 TTHC. Số lượng TTHC đủ điều kiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình là 934; số lượng TTHC đã cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình là 275, số lượng TTHC đã cung cấp dịch vụ công trực tuyến một phần là 1.749, số lượng TTHC đang kiểm thử để cung cấp dịch vụ công trực tuyến là 115<sup>9</sup>.

- Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận từ 01/7/2025 đến 15/9/2025 trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh là 180.079 hồ sơ (trong đó: tổng hồ sơ tiếp nhận trực tuyến là 126.932 hồ sơ, tương ứng tỷ lệ 70,48%; tổng hồ sơ tiếp nhận trực tiếp là 52.829 hồ sơ, tương ứng tỷ lệ 29,33%; tổng hồ sơ tiếp nhận qua dịch vụ bưu chính công ích là 318 hồ sơ, tương ứng tỷ lệ 0,19%)<sup>10</sup>. Tỷ lệ TTHC có giao dịch thanh toán trực tuyến đạt 83,28%; Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến đạt 81,03%<sup>11</sup>.

#### *6.6. Triển khai ứng dụng hỗ trợ người dân, doanh nghiệp*

Tiếp tục triển khai thực hiện các ứng dụng số phục vụ các nhu cầu của người dân hiệu quả như: Sàn giao dịch Thương mại điện tử tỉnh Thái Nguyên, Sổ sức khỏe điện tử, Sổ bảo hiểm xã hội điện tử... 100% các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên địa bàn tỉnh đã thực hiện khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế bằng CCCD gắn chip điện tử. Triển khai nhân rộng mô hình chợ 4.0; thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt trên các lĩnh vực giáo dục, y tế, giải quyết TTHC; thiết lập thêm nhiều kênh cung cấp thông tin về giải quyết TTHC như cung cấp khả năng liên kết truy cập thông tin về TTHC, truy cập đến Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Thái Nguyên và Cổng dịch vụ công quốc gia qua các ứng dụng mạng xã hội, ứng dụng số của tỉnh như: Ứng dụng công dân số C-Thainguyen, xã hội số Thainguyen-ID...

<sup>9</sup>Số liệu trên cổng DVCQG ngày 15/9/2025

<sup>10</sup>Số liệu trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh ngày 15/9/2025.

<sup>11</sup>Số liệu trên cổng DVCQG ngày 15/9/2025.

### **III. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

#### **1. Ưu điểm**

- Công tác CCHC của tỉnh được Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh đặc biệt quan tâm; các cơ quan, đơn vị, địa phương đã chủ động triển khai đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ Chương trình CCHC Nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 và Kế hoạch CCHC năm 2025 của tỉnh.

- UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo, ban hành văn bản cụ thể hóa các chủ trương chỉ đạo của Trung ương, Tỉnh ủy về vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; các xã, phường đã thành lập các cơ quan chuyên môn, đơn vị trực thuộc đảm bảo đúng quy định, đến nay đã đi vào hoạt động ổn định, hiệu quả, thông suốt, không gián đoạn. Đội ngũ cán bộ, công chức các cấp nhanh chóng thích ứng với mô hình chính quyền mới. Triển khai thực hiện các chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động bị ảnh hưởng, đảm bảo tiến độ sắp xếp đơn vị hành chính các cấp được đảm bảo, đúng quy định pháp luật.

- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và 92/92 Trung tâm Phục vụ hành chính công thuộc UBND các xã, phường được triển khai thực hiện có hiệu quả, cung cấp đầy đủ thủ tục hành chính bằng các hình thức trực tuyến, trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính; nâng cao chất lượng phục vụ, giải quyết TTHC cho người dân, doanh nghiệp; tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng và trước hạn đạt trên 99%. Chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử xếp thứ 01/34 tỉnh, thành phố trên toàn quốc.

- Công tác kiểm tra công vụ, kiểm tra CCHC, việc thi hành công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức được thực hiện thường xuyên; đội ngũ cán bộ, công chức chấp hành tốt kỷ luật, kỷ cương hành chính, trách nhiệm trong thực thi công vụ.

- Công tác xây dựng chính quyền số, chuyển đổi số đạt được những kết quả quan trọng đã góp phần thay đổi diện mạo hệ thống hành chính, phương thức, tác phong làm việc của đội ngũ cán bộ, công chức, đồng thời tăng hiệu quả hoạt động và nâng cao năng lực cạnh tranh của kinh tế số và mang lại lợi ích, thuận tiện và hiệu quả hơn trong tiếp cận các dịch vụ công và thông tin cho người dân, doanh nghiệp.

#### **2. Tồn tại, hạn chế**

- Đội ngũ cán bộ, công chức có năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ tốt phân bố chưa đồng đều, chủ yếu tập trung tại các xã, phường trung tâm, các xã vùng sâu, vùng xa, xã đặc biệt khó khăn năng lực của một số cán bộ còn hạn chế; một số địa phương thiếu cán bộ, công chức ở các vị trí việc làm như kế toán, địa chính, công nghệ thông tin.

- UBND cấp xã được phân cấp, phân quyền thêm nhiều nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức mới do đó việc triển khai nhiệm vụ có nơi còn lúng túng, một số địa phương còn chậm triển khai, báo cáo chưa kịp thời theo chỉ đạo của cấp trên. Tại các xã có địa bàn rộng, dân số đông, khối lượng công việc, hồ sơ TTHC lớn, công chức phải kiêm nhiệm nhiều đầu việc nên có lúc quá tải, có nơi còn để tình trạng hồ sơ TTHC quá hạn.

- Một số trụ sở làm việc xuống cấp, còn thiếu phòng làm việc, việc xử lý tài sản công sau sắp xếp đơn vị hành chính còn có khó khăn nhất định. Mặc dù đã được đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin, bố trí các phân khu chức năng, tuy nhiên có những thời điểm quá tải do người dân, doanh nghiệp đến Trung tâm Phục vụ hành chính công (ở một số xã, phường trung tâm) nhiều cùng thời điểm; còn có hồ sơ TTHC chưa kịp thời xử lý từ Cổng Dịch vụ công Quốc gia. Tần suất phát sinh hồ sơ TTHC nhiều, dẫn đến có thời điểm cán bộ, công chức xử lý chưa kịp thời. Mặt khác, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh mới triển khai từ ngày 01/7/2025 nên có thời điểm vận hành chưa ổn định, còn có lỗi về kỹ thuật.

- Hạ tầng truyền dẫn tại địa bàn vùng sâu, vùng xa chưa đồng bộ, việc tiếp cận, sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân còn gặp nhiều khó khăn. Ở một số xã vùng sâu, vùng xa còn có người dân chưa có điện thoại thông minh; 55 thôn chưa có sóng di động 3G/4G/5G.

- Việc tiếp nhận và giải quyết TTHC trên Cổng dịch vụ công quốc gia có thời điểm không đăng nhập được do quá tải; việc kết nối, liên thông của Hệ thống thông tin giải quyết TTHC với các cơ sở dữ liệu chuyên ngành có thời điểm chưa thông suốt, liền mạch. Chưa đồng bộ, kết nối liên thông giữa hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh với phần mềm đăng ký kinh doanh, hộ kinh doanh của Bộ Tài chính (Bộ Tài chính chưa hướng dẫn kết nối để địa phương thực hiện kết nối); phần mềm về hộ tịch do Bộ Tư pháp quản lý đã kết nối liên thông, tuy nhiên có thời điểm hoạt động chưa thông suốt.

#### **IV. KIẾN NGHỊ**

##### **1. Đề nghị Văn phòng Chính phủ**

- Hỗ trợ, cung cấp giải pháp kỹ thuật để Cổng Dịch vụ công Quốc gia chia sẻ dữ liệu kết quả đánh giá với Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh để kết nối, tái sử dụng dữ liệu trong việc tổng hợp, công khai cho tổ chức, cá nhân theo dõi đồng thời để thuận tiện truy xuất dữ liệu để địa phương chủ động tìm nguyên nhân, giải pháp khắc phục các điểm chỉ số còn thấp.

- Sớm ban hành văn bản thay thế Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính; hướng dẫn việc in phiếu kiểm soát, trả kết giảm chi phí, tiết kiệm thời gian.

## **2. Đề nghị Bộ Nội vụ**

Xem xét, điều chỉnh khung biên chế theo định hướng tại Công văn số 09/CV-BCĐ ngày 30/5/2025 của Ban Chỉ đạo sắp xếp đơn vị hành chính các cấp và mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp của Chính phủ do sau khi vận hành chính quyền 02 cấp phát sinh khối lượng công việc của cán bộ, công chức tăng lên, cần có sự điều chỉnh số lượng biên chế phù hợp với quy mô dân số, trình độ phát triển kinh tế, xã hội, diện tích tại đơn vị hành chính cấp xã (xã nhập từ 02 hoặc 03 đơn vị có quy mô khác xã nhập từ đến 05 hoặc 07 đơn vị hành chính cấp xã trước đây) và phù hợp với đặc thù nông thôn, đô thị.

## **3. Đề nghị Bộ Tài chính**

Quan tâm chia sẻ, kết nối giữa phần mềm đăng ký kinh doanh, hộ kinh doanh với Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh để thực hiện TTHC trực tuyến được thông suốt, liền mạch; nâng cao hiệu suất làm việc, tái sử dụng số hóa hồ sơ, tài liệu.

## **4. Đề nghị Bộ Tư pháp**

Nâng cấp hệ thống phần mềm về hộ tịch do Bộ Tư pháp quản lý đã kết nối liên thông, thông suốt, đảm bảo chất lượng giải quyết TTHC cho người dân.

## **V. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ QUÝ IV NĂM 2025**

1. Tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình CCHC nhà nước tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2025.

2. Tiếp tục sắp xếp tinh gọn bộ máy các cơ quan, đơn vị, sắp xếp bố trí đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đảm bảo chính quyền địa phương hai cấp hoạt động thông suốt hiệu quả. Tập trung đẩy mạnh thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp về đẩy mạnh phân quyền, phân cấp đồng bộ với việc triển khai mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, tạo hành lang pháp lý, kịp thời xử lý những vấn đề thực tiễn, tháo gỡ điểm nghẽn về thể chế, góp phần phát triển kinh tế - xã hội.

3. Quyết liệt triển khai thực hiện hiệu quả các kế hoạch, nhiệm vụ theo Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật

trên địa bàn tỉnh đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo và Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 9/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

4. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ CCHC; thực hiện các giải pháp nhằm cải thiện, nâng cao Chỉ số cải cách hành chính, Chỉ số mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước, Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công. Tiếp tục triển khai thực hiện tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ CCHC, mô hình chính quyền thân thiện, Nhân dân phát huy quyền làm chủ, đồng thời tổ chức tuyên truyền, phổ biến nội dung nâng cao hiệu quả quản trị và hành chính công; nâng cao mức độ hài lòng của người dân về sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước sau khi triển khai thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

5. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông, nâng cao chất lượng giải quyết hồ sơ TTHC cho người dân, doanh nghiệp, nâng cao tỷ lệ hồ sơ được thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình, tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên địa bàn tỉnh.

6. Tăng cường công tác kiểm tra công vụ, kiểm tra CCHC; thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng thực thi công vụ, nâng cao mức độ hài lòng của tổ chức, cá nhân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước.

*(Có các biểu mẫu kèm theo)*

Trên đây là kết quả công tác cải cách hành chính tỉnh Thái Nguyên quý III năm 2025, UBND tỉnh Thái Nguyên, trân trọng báo cáo Bộ Nội vụ theo quy định. / *TL*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Chủ tịch và các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, HCC.

Chintk.9/2025.

*TL*



**Nguyễn Thị Loan**

**THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CÁCH HÀNH CHÍNH TỈNH THÁI NGUYÊN NĂM 2025**  
(Ban hành kèm theo Báo cáo số 15/BC-UBND ngày 19/9/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên)

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
<b>I. Công tác chỉ đạo điều hành CCHC</b>				
1	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành (Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)	Văn bản	12	
2	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm (Lũy kế đến thời điểm báo cáo)	%	40	
2.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	25	
2.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	10	
3	<b>Kiểm tra CCHC</b>		0	
3.1.	Số sở, ngành đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	3	
3.2.	Số UBND cấp xã đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	18	
3.3.	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%	100	
3.3.1.	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	6	
3.3.2.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	6	
4	<b>Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao</b>			
4.1.	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	54	

4.1.1	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	53	
4.1.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	0	
4.1.3	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ	0	
<b>5</b>	<b>Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức</b>	Có = 1; Không = 0	0	
5.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	0	
5.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2		
<b>6</b>	<b>Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp</b>	Không = 0 Có = 1	0	
<b>II. Cải cách thể chế</b>				
<b>1</b>	<b>Tổng số VBQPPL do địa phương ban hành</b>	Văn bản		
1.1.	Số VBQPPL do cấp tỉnh ban hành	Văn bản	28	20 Nghị quyết; 08 Quyết định <sup>12</sup>
1.2.	Số VBQPPL do cấp xã ban hành	Văn bản		
<b>2</b>	<b>Kiểm tra, xử lý VBQPPL</b>			
2.1.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	28	20 Nghị quyết; 08 Quyết định

<sup>12</sup> Tỉnh Thái Nguyên (sau sáp nhập).

2.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%		
2.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra	Văn bản		
2.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản		
<b>3</b>	<b>Rà soát VBQPPL</b>			
3.1.	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	63	44 Nghị quyết; 19 Quyết định
3.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%	100%	
3.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản	63	
3.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	63	
<b>III. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)</b>				
<b>1</b>	<b>Thống kê TTHC</b>			
1.1.	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục	811	
1.2.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	1.587	
1.3.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	1.156	
1.4.	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương	Thủ tục	2.141	(85 TT dùng chung cho 2 cấp)
1.4.1.	<i>Số TTHC cấp tỉnh (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	<i>Thủ tục</i>	1.845	
1.4.2.	<i>Số TTHC cấp xã (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	<i>Thủ tục</i>	381	

<b>2</b>	<b>Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông</b>			
2.1.	Tỷ lệ TTHC thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Bộ phận một cửa	Thủ tục	100	
2.2.	Số TTHC đang thực hiện tiếp nhận và giải quyết không phụ thuộc vào địa giới hành chính	Thủ tục		
<b>3</b>	<b>Kết quả giải quyết TTHC</b>			
3.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,91%	
3.1.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	<i>Hồ sơ</i>	<i>12.470</i>	
3.1.2.	<i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i>	<i>Hồ sơ</i>	<i>12.459</i>	
3.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,97%	
3.2.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	<i>Hồ sơ</i>	<i>139.398</i>	
3.2.2.	<i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i>	<i>Hồ sơ</i>	<i>139.352</i>	
3.3.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	88,89%	
3.3.1.	<i>Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)</i>	<i>PAKN</i>	<i>81</i>	
3.3.2.	<i>Số PAKN đã giải quyết xong</i>	<i>PAKN</i>	<i>72</i>	

<b>IV. Cải cách tổ chức bộ máy</b>				
<b>1</b>	<b>Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy</b>			
1.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100	14 sở, ngành (bao gồm Ban quản lý các KCN)
1.2.	Tỷ lệ UBND cấp xã đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100	92 đơn vị cấp xã
1.3.	Số lượng các ban quản lý trực thuộc UBND cấp tỉnh	Ban	0	
1.4.	Số tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập	Tổ chức	0	
1.5.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) tại địa phương	Cơ quan, đơn vị	1.075	
1.5.1.	Số ĐVSNCL thuộc UBND tỉnh	Cơ quan, đơn vị	7	Chưa bao gồm 01 quỹ tài chính hoạt động theo mô hình ĐVSN (Quỹ Phát triển đất)
1.5.2.	Số ĐVSNCL thuộc sở, ngành và tương đương	Cơ quan, đơn vị	139	01 quỹ tài chính hoạt động theo mô hình ĐVSN (Quỹ Bảo vệ môi trường)
1.5.3.	Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp xã	Cơ quan, đơn vị	929	865 trường học, 64 TT DV tổng hợp

<b>2</b>	<b>Số liệu về biên chế công chức</b>			
2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	7.010	
2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	5.267	
2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính	Người	337	
2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
<b>3</b>	<b>Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập</b>			
3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	34.079	
3.2.	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	23.588	
3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người		
3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%	18,28	
<b>V. Cải cách chế độ công vụ</b>				
<b>1</b>	<b>Vị trí việc làm của công chức, viên chức</b>			
1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	14	
1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	1.075	
1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	0	

<b>2</b>	<b>Tuyển dụng công chức, viên chức</b>			
2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	63	
2.2.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	0	
<b>3</b>	<b>Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (Lũy kế từ đầu năm)</b>	Người	0	
<b>4</b>	<b>Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền)</b>			
4.1.	Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật.	Người	0	
4.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp xã bị kỷ luật.	Người	0	
4.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp xã bị kỷ luật.	Người	0	
4.4.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người	0	
<b>VI. Cải cách tài chính công</b>				
<b>1</b>	<b>Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công</b>	%	54	Số liệu đến ngày 30/8/2025
1.1.	Kế hoạch được giao	Triệu đồng	12.810.233	Số liệu đến ngày 30/8/2025
1.2.	Đã thực hiện	Triệu đồng	6.915.541	Số liệu đến ngày 30/8/2025

2	<b>Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa phương (lấy kế đến thời điểm báo cáo)</b>			
2.1.	Tổng số ĐVSN công lập tại địa phương	Đơn vị	1.102	
2.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị	01	
2.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	55	
2.4.	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị	116	
2.4.1	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>		
2.4.2	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>		
2.4.3	<i>Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên</i>	<i>Đơn vị</i>		
2.5.	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	930	
2.6.	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lấy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị	0	
<b>VII. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số</b>				
1	<b>Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất</b>	Chưa = 0; Hoàn thành = 1	1	
2	<b>Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia</b>	%	100	
3	<b>Số liệu về trao đổi văn bản điện tử</b>			
3.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã			

3.1.1	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%	100	
3.1.2	Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%	100	
3.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương (Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử)	%	100	
5.2.1.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các sở, ban, ngành cấp tỉnh	%	100	556.431 văn bản
5.2.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã	%	100	506.932 văn bản
<b>4</b>	<b>Cung cấp dịch vụ công trực tuyến (DVCTT)</b>			
4.1.	Tỷ lệ DVCTT toàn trình đủ điều kiện	%	29,4	
4.1.1.	Tổng số DVC đủ điều kiện lên trực tuyến toàn trình	DVC	934	
4.1.2.	Số lượng DVCTT toàn trình	DVC	275	
4.2.	Tỷ lệ DVC có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến (toàn trình + một phần)	%	94%	
4.2.1	Tổng số DVCTT có phát sinh hồ sơ (gồm các DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến hoặc trực tiếp hoặc cả 2 hình thức)	DVC	1.088	
4.2.2	Số DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến	DVC	1.024	
4.3.	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình	%	71,75%	
4.3.1	Tổng số hồ sơ của DVCTT toàn trình (gồm hồ sơ nộp trực tuyến + trực tiếp)	Hồ sơ	193.480	
4.3.2	Số hồ sơ nộp trực tuyến của các DVCTT toàn trình	Hồ sơ	138.828	

4.4.	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến một phần	%	70,4	
4.4.1.	<i>Tổng số hồ sơ của DVCTT một phần (gồm hồ sơ nộp trực tuyến + trực tiếp)</i>	<i>Hồ sơ</i>	<i>180.079</i>	
4.4.2.	<i>Số hồ sơ nộp trực tuyến của các DVCTT một phần</i>	<i>Hồ sơ</i>	<i>126.932</i>	
4.5.	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%	100	
4.5.1.	<i>Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí, ...)</i>	<i>Thủ tục</i>	<i>892</i>	
4.5.2.	<i>Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia.</i>	<i>Thủ tục</i>	<i>892</i>	